

Bản án số: 205/2023/DS-PT
Ngày 18-12 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Lê Phan Công Trí
Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 190/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp M, xã M1, huyện L, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp N, xã M1, huyện L, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh B: Anh C, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp 1B, xã P, huyện L, tỉnh Bạc Liêu (Hợp đồng ủy quyền ngày 01/8/2023) (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh D, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp M, xã M1, huyện L, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị A trình bày:* Vào năm 2011, anh B có vay của vợ chồng chị A, anh D số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/ 1 tháng, việc cho vay không có làm giấy tờ, không có ai chứng kiến. Vài tháng sau (không nhớ ngày tháng) cùng năm 2011, anh B tiếp tục vay của chị A, anh D số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất cũng là 2%/1 tháng, việc cho vay này cũng không có làm giấy tờ gì và cũng không có ai chứng kiến. Đến cuối năm 2017, chị A và anh B đã tính tổng cộng số tiền anh B còn thiếu là 190.000.000 đồng. Đến đầu năm 2018, anh B có trả cho chị A, anh D số tiền 131.000.000 đồng, chị A, anh D có cho anh B số tiền lãi 10.000.000 đồng, từ đó đến nay anh B không có trả thêm cho chị A, anh D số tiền

nào. Hiện tại anh B còn nợ chị A, anh D số tiền 49.000.000 đồng. Trong đơn khởi kiện, chị A yêu cầu cá nhân anh B trả tiền vay gốc là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, sau đó chị A thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu cá nhân anh B trả số tiền vay gốc là 49.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

- *Bị đơn anh B trình bày:* Anh thừa nhận năm 2011 có vay của vợ chồng anh D và chị A số tiền gốc 70.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/ 1 ngày, không có làm giấy tờ, đến năm 2012 anh có vay thêm số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 4%/ 1 ngày, từ năm 2011 đến năm 2014 anh có đóng lãi đầy đủ cho anh D, chị A số tiền 140.000.000 đồng, đến cuối năm 2014 anh với chị A và anh D tính tiền gốc, tiền lãi tổng cộng anh còn thiếu anh D, chị A số tiền 190.000.000 đồng, sau đó có trả cho anh D, chị A 02 lần bằng số tiền 131.000.000 đồng nên anh còn thiếu anh D, chị A số tiền 59.000.000 đồng, nay anh thừa nhận còn thiếu anh D, chị A số tiền 50.000.000 đồng, nhưng đó là tiền lãi, do trước đây anh đã trả lãi cho anh D, chị A rất nhiều nên anh không đồng ý trả cho anh D, chị A số tiền 50.000.000 đồng.

Từ nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu của chị A đòi anh B trả số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

2/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A đòi anh B trả số tiền 49.000.000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng).

3/. Buộc anh B có nghĩa vụ trả cho chị A, anh D số tiền 49.000.000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 26 tháng 9 năm 2023, bị đơn anh B kháng cáo không đồng ý án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Đồng thời, buộc nguyên đơn phải trả cho bị đơn số tiền lãi suất 187.000.000 đồng đã đóng vượt quá quy định pháp luật từ năm 2011 đến năm 2014.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị A khởi kiện đòi anh B trả tiền nợ vay nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh B cư trú tại huyện L, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu thụ lý giải quyết là đúng quan hệ tranh chấp và đúng thẩm quyền.

[1.2] Ngày 12/9/2023, Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm, không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 26/9/2023 bị đơn anh B kháng cáo bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của anh B nộp trong thời hạn quy định, đã nộp tạm ứng án phí đúng quy định. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Do suốt quá trình giải quyết vụ án trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, các bên đương sự đều không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện là phù hợp.

[2] Về nội dung: Chị A, anh D và anh B thống nhất xác định giữa vợ chồng chị A, anh D và anh B có giao dịch vay tiền với nhau, vợ chồng chị A, anh D là bên cho vay, anh B là bên vay, hai bên không có làm biên nhận hay giấy tờ gì, vay 02 lần với tổng số tiền vay vốn gốc là 120.000.000 đồng trong năm 2011; Các đương sự cũng thống nhất năm 2017 đã cùng tính toán và thống nhất nợ tổng cộng là 190.000.000 đồng, anh B đã trả cho nguyên đơn số tiền 131.000.000 đồng, nợ lại 59.000.000 đồng, nguyên đơn đã cho anh B số tiền 10.000.000 đồng nên anh B còn nợ lại 49.000.000 đồng. Đây là các tình tiết, sự kiện được chị A, anh D và anh B thống nhất thừa nhận nên là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của anh B về việc yêu cầu bác đơn khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, anh B thống nhất với anh D, chị A về thời điểm vay, số tiền vay vốn gốc và việc chốt số tiền anh B còn nợ chị A và anh D là 190.000.000 đồng vào năm 2017. Đồng thời, anh B cũng thống nhất đã thanh toán số tiền 131.000.000 đồng, thống nhất hiện nay anh B còn nợ anh D, chị A số tiền 49.000.000 đồng. Do đó, căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định và nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì anh B là bên vay phải có nghĩa vụ thanh toán tiền vay cho chị A, anh D là bên cho vay, cấp sơ thẩm buộc anh B có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ là có căn cứ. Anh B cho rằng số tiền nguyên đơn yêu cầu là tiền lãi, do trước đây anh đã trả lãi cho anh D, chị A rất nhiều rồi nên nay anh không đồng ý trả cho anh D, chị A số tiền theo yêu cầu của chị A là không phù hợp, bởi lẽ, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không

cung cấp được chứng cứ chứng minh anh B đã thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn số tiền nợ nên cấp sơ thẩm không chấp nhận lời trình bày của anh B và chấp nhận anh B đã thanh toán cho nguyên đơn 131.000.000 đồng, được nguyên đơn cho 10.000.000 đồng nên còn nợ lại 49.000.000 đồng là phù hợp, đúng quy định pháp luật, đã xem xét đánh giá chứng cứ đầy đủ, khách quan, toàn diện.

[4] Xét kháng cáo của anh B về việc buộc nguyên đơn phải trả cho bị đơn số tiền lãi suất 187.000.000 đồng đã đóng vượt quá quy định pháp luật từ năm 2011 đến năm 2014: Xét thấy, chị A, anh D phủ nhận ý kiến của anh B về việc đã đóng cho chị A số tiền lãi suất 187.000.000 đồng (Đơn xin đính chính lời khai của chị A, anh D ngày 23/8/2023 (BL 64-65), anh B không cung cấp được nhân chứng, chứng cứ chứng minh. Mặt khác, trong suốt quá trình Tòa cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì anh B không đưa ra yêu cầu phản tố nên cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết yêu cầu của anh B là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, anh B buộc chị A trả số tiền lãi suất 187.000.000 đồng là yêu cầu chưa được đặt ra trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, căn cứ quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm thì Tòa án cấp phúc thẩm “... xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị...”, do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét yêu cầu mới phát sinh tại cấp phúc thẩm nêu trên.

[5] Ngoài ra, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không cung cấp thêm chứng cứ khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, như đã phân tích trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của anh B nên anh B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn anh B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 92, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu của chị A đòi anh B trả số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A đòi anh B trả số tiền 49.000.000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng).

3. Buộc anh B có nghĩa vụ trả cho chị A, anh D số tiền 49.000.000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch : Buộc anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 2.450.000 đồng (Hai triệu bốn trăm năm chục nghìn đồng), chị A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm chục nghìn đồng) theo biên lai số 0012723 ngày 05/6/2023 được hoàn lại toàn bộ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh B đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), không được hoàn lại.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện L (01 bản);
- CCTHADS huyện L (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Minh Nguyệt

